

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày 25-6-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hợp

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 18-02-2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02-6-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18-6-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Khu T, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ (nay là tổ dân phố B), phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 24-10-2019, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị xây dựng hạnh phúc với anh Đoàn Văn H trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-11-2017. Sau khi kết hôn, chị và anh H sống chung tại nhà anh H ở tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh H sống không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm lẫn nhau. Từ cuối năm 2018 đến nay, chị đã bỏ về nhà ở khu T, phường N, thành phố B sinh sống. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc

sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H không có con chung.
- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14-5-2020, bị đơn là anh Đoàn Văn H trình bày: Anh đồng ý với chị T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do không có con chung nên cuộc sống không vui vẻ, hạnh phúc; chị T hay cáu gắt, khó chịu, từ cuối năm 2018 chị T đã bỏ về nhà ở khu T, phường N, thành phố B sinh sống, từ đó anh chị sống ly thân. Nay, chị T làm đơn ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Anh và chị T không có con chung và anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về hôn nhân giữa chị T và anh H, thể hiện: Trong quá trình chung sống, anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, chị T thường xuyên về B sinh sống, thỉnh thoảng mới về ở với anh H, anh chị lại không có con chung và anh H còn có người phụ nữ khác bên ngoài thường xuyên đưa về nhà sống cùng. Từ cuối năm 2018, chị T đã bỏ về nhà ở khu T, phường N, thành phố B và không quay về chung sống cùng anh H nữa. Gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận vợ chồng anh chị không có con chung.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H không đến tham gia. Do đó, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tám được ly hôn anh Hòa; không giải quyết về con chung và tài sản chung.

Về án phí, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn là anh Đoàn Văn H, cư trú tại: Phường B, quận Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 18-6-2020, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Tám, anh Hòa.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 28-11-2017 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Chị T và anh H trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã làm rõ: Sau khi kết hôn chị T và anh H về chung sống tại tổ dân phố Đ, phường B, quận Đ. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, chị T thường xuyên về Bắc Ninh sinh sống, thỉnh thoảng mới về ở với anh H và anh H quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài thường xuyên đưa về nhà sống cùng. Anh chị lại không có con chung nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Mặc dù, vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khắc phục, hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau về tình cảm và kinh tế. Chị T và anh H thừa nhận quan hệ hôn nhân của anh chị trên thực tế đã không còn tồn tại nên anh chị đồng ý ly hôn.

[5] Xét thấy, chị T và anh H đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tám.

[6] Về việc nuôi con: Chị T và anh H không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đoàn Văn H.

2. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009593 ngày 18-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường B, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

